

Ngành Đại học sư phạm Khoa học tự nhiên

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

I. Giới thiệu về ngành đào tạo

1. Là ngành đào tạo đội ngũ giáo viên chuyên giảng dạy trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) tại các trường THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới, được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 (Lớp 6), 2022 – 2023 (lớp 7), 2023 – 2024 (lớp 8) và 2024 – 2025 (lớp 9).

2. Môn học này sẽ thay thế 3 môn học cũ (Vật lý, Hoá học, Sinh học), với thời lượng 4 tiết/tuần.

3. Môn Khoa học tự nhiên sẽ có đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện việc giảng dạy các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học và Khoa học trái đất theo hướng tích hợp liên môn trong chương trình phổ thông mới.

4. Cơ hội việc làm

a) Làm việc tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu sư phạm. . .

b) Làm chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các phòng và sở giáo dục đào tạo.

c) Giảng dạy môn Khoa học tự nhiên theo Chương trình giáo dục phổ thông mới tại các trường THCS (cấp 2).

5. Văn bằng đào tạo

a) Trình độ: CỬ NHÂN.

b) Ngành đào tạo: Sư phạm Khoa học tự nhiên.

II. Tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

a) Đối tượng 1: Thí sinh tốt nghiệp trình độ cao đẳng chuyên ngành SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học (*đơn ngành hoặc hai chuyên ngành trở lên*).

b) Đối tượng 2: Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chuyên ngành SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học.

c) Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành khác (không thuộc đối tượng 1 và đối tượng 2).

d) Đối tượng 4: Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển/ thi tuyển.

III. Tổ chức đào tạo

1. Thời gian đào tạo

a) Đối tượng 1: 1,5 – 2,0 năm (dự kiến 40 tín chỉ).

b) Đối tượng 2: 1,5 – 2,0 năm (dự kiến 40 tín chỉ).

c) Đối tượng 3: 2,5 – 3,0 năm (dự kiến 70 – 80 tín chỉ).

d) Đối tượng 4: 4,5 năm (dự kiến 140 tín chỉ).

2. Hình thức đào tạo: vừa làm vừa học (*học kỳ I, học kỳ II (thứ bảy, chủ nhật) và học kỳ hè (tập trung)*).

3. Học phí đào tạo (*áp dụng đối với lớp có sĩ số từ 30 sinh viên trở lên*)

3.1. Đối với các lớp tại Trường Đại học Đồng Tháp

a) Năm thứ nhất (năm học 2022-2023)

- Đối tượng 1: 9.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 2: 9.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 3: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 4: 10.000.000đ/1 sinh viên.

b) Các năm học còn lại: thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và các văn bản luật thay thế của Chính phủ.

3.2. Đối với các lớp liên kết đào tạo

a) Năm thứ nhất (năm học 2022-2023)

- Đối tượng 1: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 2: 10.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 3: 11.000.000đ/1 sinh viên.

- Đối tượng 4: 11.000.000đ/1 sinh viên.

b) Các năm học còn lại: thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và các văn bản luật thay thế của Chính phủ.